

Số: **1813/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt chủ trương mua sắm trang thiết bị dạy học  
cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông  
có học sinh bán trú năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 19/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 9 quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020 và Quyết định số

810/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1576/SGDDĐT-KHTC ngày 26/11/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2816/STC-QLGCS ngày 30/11/2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú năm 2020, với nội dung sau:

1. Nội dung thực hiện: Mua sắm thiết bị dạy học cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú năm 2020 (Hàng mới 100% có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng).

2. Danh mục, số lượng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

3. Giá trị mua sắm: Không quá 33.936 triệu đồng (Giá trị mua sắm trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại bên mời thầu, chi phí bảo hành và các chi phí khác có liên quan và sẽ được chuẩn xác theo dự toán được lập, thẩm định phê duyệt đúng quy định).

4. Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Thời gian thực hiện: năm 2020.

6. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước đã bố trí tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 554/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020 và số 810/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 15/9/2020.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm đối với việc phân bổ trang thiết bị cho từng cơ sở giáo dục cụ thể, xây dựng dự toán mua sắm trang thiết bị dạy học trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và lập đầy đủ các thủ tục về quy trình mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Thực hiện mua sắm đúng quy định và sử dụng hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Hiệu trưởng các trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX hq465.



**CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Minh**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1813 /QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Nội dung	Đơn vị tỉnh	Số lượng	Trong đó:				
				Ba Tư	Minh Long	Sơn Hà	Sơn Tây	Trà Bồng
A		C	(1)=(2)+(3)+(4)+(5)+(6)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>TỔNG CỘNG</b>								
<b>I</b>	<b>THIẾT BỊ DẠY DẠY HỌC</b>							
<b>1</b>	<b>Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1</b>							
<b>1.1</b>	<b>Môn Toán</b>							
	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Bộ	1.406	641	30	37	524	174
	Bộ thiết bị dạy phép tính	Bộ	1.406	641	30	37	524	174
	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Bộ	1.406	641	30	37	524	174
	Mô hình đồng hồ	Chiếc	68	16	2	9	21	20
<b>1.2</b>	<b>Môn Tiếng Việt</b>							
	Tranh: Bộ mẫu chữ viết	Bộ	79	14	2	5	21	37
	Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	79	14	2	5	21	37
	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Bộ	1.374	641	30	5	524	174
	Bộ chữ học vần biểu diễn	Bộ	55	13	3	5	18	16
<b>1.3</b>	<b>Môn Tự nhiên Xã hội</b>							
	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	232	62	5	10	48	107
	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Bộ	318	110	5	10	86	107
	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Bộ	318	110	5	10	86	107
	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Bộ	318	110	5	10	86	107
	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Bộ	318	110	5	10	86	107
<b>1.4</b>	<b>Môn Âm nhạc</b>							
	Thanh phách	Cặp	803	315	35	36	315	102
	Song loan	Cái	803	315	35	36	315	102
	Trống nhỏ	Bộ	178	48	5	12	56	57
	Triangle (Tam giác chuông)	Bộ	169	50	5	12	45	57
	Tambourine (Trống lục lạc)	Cái	169	50	5	12	45	57
	Keyboard (đàn phím điện tử)	Chiếc	28	9	2	2	5	10
<b>1.5</b>	<b>Môn Mỹ thuật</b>							
	Bảng vẽ cá nhân	Cái	771	280	35	39	315	102
	Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Cái	578	240	35	39	162	102
	Bảng vẽ học nhóm	Cái	164	48	6	11	54	45
	Bục đặt mẫu	Cái	60	19	4	9	0	28
	Các hình khối cơ bản	Bộ	19	1	1	2	5	10
	Máy chiếu (projector) (hoặc ti vi kết nối máy tính)	Bộ	30	8	1	2	9	10
	Thiết bị âm thanh (đàn âm thanh hoặc đài cassette)	Bộ	30	8	1	2	9	10
<b>1.6</b>	<b>Môn Giáo dục thể chất</b>							
	Bộ tranh hoặc video về đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	Bộ	144	31	6	8	54	45
	Bộ tranh hoặc video về các tư thế vận động cơ bản (VĐCB)	Bộ	138	25	6	8	54	45
	Bộ tranh hoặc video về bài tập thể dục (BTTD)	Bộ	138	25	6	8	54	45
	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	99	12	6	8	28	45
	Còi	Chiếc	164	51	6	8	54	45

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Trong đó:				
				Ba Tư	Minh Long	Sơn Hà	Sơn Tây	Trà Bồng
	Cờ đuôi nheo	Chiếc	303	108	12	14	108	61
	Thước dây	Chiếc	165	52	6	8	54	45
	Nhạc tập bài tập Thẻ đục	Chiếc	67	18	2	4	18	25
<b>1.7</b>	<b>Môn Đạo đức</b>							
	Bộ tranh: Yêu gia đình	Bộ	290	110	5	39	32	104
	Bộ tranh: Thật thà	Bộ	290	110	5	39	32	104
	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình	Bộ	376	110	5	39	118	104
	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	Bộ	376	110	5	39	118	104
	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ	376	110	5	39	118	104
	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	Bộ	376	110	5	39	118	104
	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	Bộ	376	110	5	39	118	104
<b>1.8</b>	<b>Môn Hoạt động trải nghiệm</b>							
	Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Bộ	288	42	5	16	118	107
<b>1.9</b>	<b>Thiết bị dùng chung</b>							
	Radio - Castsete	Cái	29	8	1	3	6	11
	Loa cầm tay	Cái	22	7	1	3	0	11
	Nẹp treo tranh	Cái	492	84	20	40	180	168
	Giá treo tranh	Cái	136	18	3	8	27	80
	Máy tính xách tay	Cái	47	16	2	4	9	16
	Bảng nhóm	Chiếc	76	21	5		45	5
	Bảng phụ	Chiếc	53	6	1		45	1
<b>2</b>	<b>Chi tiết một số loại thiết bị khác dùng cho cấp học phổ thông</b>						<b>0</b>	
	Smart TV (01 cái/lớp)	Cái	294	50	7	20	109	108
	Máy chiếu (dùng chung cho trường)	Bộ	46	7	1	3	10	25
	Nam châm dính bảng từ	Cái	500				500	
	Đàn Organ	Cái	10				9	1
	Máy laptop	Cái	57				50	7
	Giá để thiết bị	Cái	53				50	3
	Kính hiển vi	Cái	54				50	4
	Máy vi tính	Cái	107		20		50	37
	Máy tính bỏ túi	Cái	15		10		0	5
	Đầu đọc đĩa	Cái	3		1		0	2
	Bảng tương tác đa năng	Bộ	48		1	4	19	24
<b>II</b>	<b>BÀN GHẾ</b>							
1	Bàn ghế học sinh tiểu học 2 chỗ (gồm 1 bàn và 2 ghế rời) (Lớp 1 + lớp 2 - Cỡ số III mã số III/120-129)	Bộ	243	68	0	25	90	60
2	Bàn ghế học sinh tiểu học 2 chỗ (gồm 1 bàn và 2 ghế rời) (Lớp 3 + lớp 4 + lớp 5 - Cỡ số IV mã số IV/130-144)	Bộ	482	190	7	25	70	190
3	Bàn ghế học sinh trung học cơ sở 2 chỗ (gồm 1 bàn và 2 ghế rời) (Lớp 6 + lớp 7 - Cỡ số V mã số V/145-159)	Bộ	238	76	0	65	80	17
4	Bàn ghế học sinh trung học cơ sở 2 chỗ (gồm 1 bàn và 2 ghế rời) (Lớp 8 + lớp 9 - Cỡ số VI mã số VI/160-175)	Bộ	690	220	0	75	130	265
5	Bảng viết phấn chống lóa	Chiếc	81	8	0	8	33	32
6	Bàn ghế giáo viên	Bộ	129	30	0	17	43	39